

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 13-7-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Chinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị A; Sinh năm 1967;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm 8 C, thị trấn D, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- Bị đơn: Ông Trần Văn B; Sinh năm 1965;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm 8 C, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- Người kháng cáo: Bị đơn Trần Văn B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn bà Hoàng Thị A trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn B, trước đây đã ly hôn vào năm 1997, đã giải quyết các vấn đề liên quan như con chung và tài sản chung. Đến năm 2003 hai vợ chồng quay lại chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã C (Nay là thị trấn D), huyện Đ.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung tại xóm 8 C, thị trấn D, huyện Đ, Cao Bằng. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được một người con là Trần Hoàng G. Đến khoảng 03 năm trở lại đây thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B thường xuyên có hành vi chửi mắng, đánh đập đuổi bà cùng con ra khỏi nhà khi bà và con không làm việc đúng ý của ông B, ngoài ra trong cuộc sống hằng ngày vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Sự việc đã được xóm, gia đình và hai vợ chồng hòa giải nhiều lần nhưng không được, hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà quyết định làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 (Hai) con chung là Hoàng Trần E, sinh ngày 10/12/1993 và Trần Hoàng G, sinh ngày 29/12/2006. Hiện nay, cháu Bình đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Trần Hoàng G, bà yêu cầu được là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì bà yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 600.000đ/tháng (Sáu trăm nghìn đồng trên tháng) đến khi con chung đủ 20 tuổi vì cháu Đạt bị bệnh chậm phát triển về trí tuệ.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai vợ chồng có tài sản chung nhưng bà, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản trong vụ án này, mà sẽ khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác. Vợ chồng không có vay nợ chung.

* Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn B trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, ông B thừa nhận đúng như Bà A đã trình bày.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Kết hôn lần đầu năm 1988, năm 1994 làm thủ tục ly hôn tại Tòa án theo yêu cầu của Bà A. Đến năm 2004 quay lại sống chung với nhau, sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề sinh lý vợ chồng trong cuộc sống hằng ngày. Hai vợ chồng đã hòa giải nhiều lần, nay ông không nhất trí với yêu cầu ly hôn của Bà A vì ông thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Ông thừa nhận đúng như Bà A đã trình bày. Trong trường hợp phải ly hôn, thì ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Hoàng G và ông không yêu cầu Bà A phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Ông xác nhận hai vợ chồng có tài sản chung, có vay nợ chung và ông không nhất trí với yêu cầu của Bà A là tách phần tài sản để giải quyết thành một vụ án khác mà ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Ngày 02/4/2021, bị đơn Trần Văn B có đơn yêu cầu gửi Tòa án thể hiện ý kiến đồng ý với yêu cầu của bà Hoàng Thị A đối với việc tách phần giải quyết tài sản chung của vợ chồng để giải quyết sau và ông đề nghị giải quyết phần tình cảm và nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án đã xác minh tại cơ sở ngày 24/02/2021 ông Nông Văn H – Bí thư Chi bộ, Trưởng xóm 8 C, thị trấn D khẳng định việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hoàng Thị A và ông Trần Văn B là có xảy ra trong thời gian sống chung vợ chồng, khi có mâu thuẫn thì ông B thường đánh đập, chửi mắng vợ con. Mặt khác hai vợ chồng còn mâu thuẫn trong vấn đề sinh lý vợ chồng và kinh tế trong gia đình, hiện tại mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đã được xóm hòa giải và lập biên bản sự việc nhiều lần.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn ông Trần Văn B không nhất trí với yêu cầu ly hôn của Bà A. Trong trường hợp ly hôn thì ông có yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu Bà A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản án số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng đã áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị A được ly hôn với ông Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Hoàng G, sinh ngày 29/12/2006 cho bà Hoàng Thị A là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng ông B không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của Bà A. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết ông B, Bà A có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 05/5/2021 bị đơn Trần Văn B có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Trần Văn B giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Tình cảm của tôi với bà Hoàng Thị A vẫn còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa nghiêm trọng, lời trình bày của ông trưởng xóm là không khách

quan vì có mâu thuẫn với tôi. Do vậy tôi mong muốn hàn gắn lại với vợ tôi để cùng nuôi dưỡng chăm sóc con cái.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Hoàng Thị A trình bày: không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra rất nhiều lần, nghiêm trọng, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo của ông Trần Văn B là không có căn cứ, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Hoàng Thị A kết hôn với ông Trần Văn B, địa chỉ: Xóm 8 C, thị trấn D, Hòa An, Cao Bằng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (Nay là thị trấn D), Hòa An, Cao Bằng. Nay Bà A khởi kiện xin ly hôn với ông B, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Ngày 26/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Hòa An tuyên bản án sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST, ngày 05/5/2021 bị đơn Trần Văn B có đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Đơn kháng cáo được gửi trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy đơn kháng cáo hợp pháp, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo và căn cứ kháng cáo.

Yêu cầu kháng cáo: Ông B cho rằng tình cảm giữa hai vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, lời trình bày của ông trưởng xóm 8, xã C, huyện Đ, tỉnh Cao Bằng là chưa đúng thực tế. Do vậy Ông B mong muốn được hàn gắn với bà Hoàng Thị A cùng nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Trần Hoàng G.

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ, xem xét các lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định:

Hai vợ chồng Bà A, ông B đã ly hôn một lần vào năm 1997, sau đó quay lại sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn, thời gian sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, chính quyền địa phương xác nhận. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên, đến mức Bà A phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Đối với ông B trình bày việc vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn và ông mong muốn được Bà A xem xét rút đơn quay về đoàn tụ gia đình, căn nguyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là xuất phát từ ông B, sự việc xảy ra trong một thời gian dài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Như vậy, cuộc sống vợ chồng Bà A, ông B không thể hàn gắn, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm nhận thấy Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà A đối ông B là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có yêu cầu kháng cáo nhưng không có tài liệu bổ sung để bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy kháng cáo của ông Trần Văn B không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308, Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 235; Bộ luật tố tụng dân

sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác đơn kháng cáo của ông Trần Văn B, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị A được ly hôn với ông Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Hoàng G, sinh ngày 29/12/2006 cho bà Hoàng Thị A là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng ông B không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của Bà A. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết ông B, Bà A có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001502 ngày 07/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận Bà A đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Trần Văn B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng sung ngân sách Nhà nước. Ngoài ra ông B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận ông B đã nộp tiền án phí dân sự

phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001556 ngày 06/5/2021 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS huyện Hòa An;
- TAND huyện Hòa An;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Hà Nam